

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-5-2019

V/v: *không công nhận vợ  
chồng* Giữa anh Tr, chị D.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Nôi
2. Ông Đinh Trọng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “ không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02-01-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Nguyễn Xuân Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Tr và Chị Lê Thị D chung sống với nhau từ năm 1987 do tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng anh Tr, chị D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Tr, chị D chung sống đến khi các con trưởng thành thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly

thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh xác tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho anh với chị D.

Về nuôi con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1991 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1992. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Anh và chị D đã tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 22-4-2019, và trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn Chị Lê Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: giữa chị và anh Tr chung sống với nhau như anh Tr trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ không tìm được tiếng nói chung mặc dù vợ chồng không sống ly thân nhưng không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Tr, chị cũng nhất trí, đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Tr.

Về nuôi con chung: Chị và anh Tr có 02 con chung họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như anh Tr trình bày là đúng. Đến nay, các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Chị và anh Tr đã tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã Th xác định: Theo sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Th, UBND xã Th không còn lưu trữ được sổ đăng ký kết hôn năm 1987 nên không xác định được anh Tr, chị D có đăng ký kết hôn hay không.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, anh Tr, chị D đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị xử không công nhận vợ chồng giữa Anh Nguyễn Xuân Tr với Chị Lê Thị D. Về nuôi con chung: anh Tr, chị D có 02 con chung Nguyễn Thị Hoài Th và Nguyễn Trường S đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về chia tài sản: anh Tr, chị D đã tự phân chia, không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tr phải chịu tiền án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh với Chị Lê Thị D. Vì vậy, quan hệ pháp luật giữa các bên được xác định là “không công nhận là vợ chồng” theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D đang cư trú tại Thôn A, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Tr và Chị Lê Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức cưới, anh Tr, chị D sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau. Anh Tr, chị D mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm không còn, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy: Theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 thì: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Như vậy, anh Tr, chị D chung sống với nhau từ năm 1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tr, chị D là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh Tr, chị D có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1991 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1992. Cháu Thương, cháu Sơn đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về chia tài sản: Anh Tr, chị D đã tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Tr phải chịu tiền án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10, Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận vợ chồng giữa Anh Nguyễn Xuân Tr với Chị Lê Thị D.

2. Về nuôi con chung: Anh Tr, chị D có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1991 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1992. Hai con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về chia tài sản: Anh Tr, chị D đã tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ anh Tr đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005388 ngày 27-02-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà (anh Tr đã nộp đủ).

4. Anh Tr, chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Trác**